

Số: /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 3, năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 4588/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng Trường về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 3266/QĐ-ĐHCT, ngày 15/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 5972/QĐ-ĐHCT, ngày 02/12/2024 về định mức học bổng khuyến khích học tập áp dụng từ học kỳ 2, năm học 2024-2025; Quyết định 2080/QĐ-ĐHCT ngày 03/06/2025 về việc phân bổ học bổng khuyến khích áp dụng tại học kỳ 3, năm học 2024-2025;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 2 năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 3, năm học 2024-2025 cho 128 sinh viên đang học hình thức chính quy **khóa 47** tại Trường Đại học Cần Thơ:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích được chi trả theo quy định hiện hành. Thời gian cấp học bổng là học kỳ 3, 2024-2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ, các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, PCTSV, T.04.

Trần Trung Tính

DANH SÁCH HỌC BỔNG
Học Kỳ 3 - Năm Học 2024 - 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2386 /QĐ-ĐHCT, ngày 16 / 6 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1. Lớp: NN2108A1								
1	B2107382	Ngô Lê Kim Ngân	15	80	3.1	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							6.550.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.816.000 đồng								
2. Lớp: NN2108A3								
1	B2100744	Trang Ngọc Hưng	16	67	3.43	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							6.550.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.292.000 đồng								
3. Lớp: NN21U5A1								
1	B2105048	Nguyễn Bùi Mỹ Tâm	14	78	2.5	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							6.550.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.536.000 đồng								
4. Lớp: DI2195A1								
1	B2110007	Nguyễn Thị Minh Châu	15	98	3.6	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2110032	Hồ Nguyễn Bảo Trân	12	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.484.000 đồng								
5. Lớp: DI2195A2								
1	B2103470	Đào Trần Quốc Phong	15	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2103480	Huỳnh Minh Thường	12	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.960.000 đồng								
6. Lớp: DI2196A1								
1	B2103488	Dương Hoài Bảo	16	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2103489	Lê Nhật Bằng	12	93	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2103515	Phan Quốc Sang	15	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							27.510.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.820.000 đồng								
7. Lớp: DI2196A2								
1	B2103542	Huỳnh Giao	13	96	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2103578	Trần Lê Như Ý	12	95	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2111340	Trần Minh Thuận	18	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							27.510.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.344.000 đồng								
8. Lớp: DI21T9A1								
1	B2104770	Huỳnh Như Huệ	12	82	3.75	Giỏi	7.860.000	
2	B2104771	Nguyễn Thị Diễm Hương	15	82	4	Giỏi	7.860.000	
3	B2110941	Nguyễn Hoàng Kim Khoa	12	80	3.63	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							23.580.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.436.000 đồng								
9. Lớp: DI21T9A2								
1	B2110963	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	18	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2110972	Cao Thị Cẩm Ngân	12	90	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng								
10. Lớp: DI21V7A1								
1	B2105564	Lê Thị Ngọc Trâm	15	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2111802	Dương Lập Khang	18	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.152.000 đồng								
11. Lớp: DI21V7A2								
1	B2100111	Nguyễn Hải Nghiêm	15	82	4	Giỏi	7.860.000	
2	B2111838	Nguyễn Anh Hào	15	97	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2111865	Phạm Võ Công Thiên	15	88	3.5	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							24.890.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.056.000 đồng								
12. Lớp: DI21Y1A1								
1	B2111816	Nguyễn Hoàng Phúc	12	90	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							9.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.528.000 đồng								
13. Lớp: DI21Z6A1								
1	B2106819	Lê Nhật Trọng	15	80	4	Giỏi	7.860.000	
2	B2106822	Bùi Thanh Tú	12	92	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							17.030.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.816.000 đồng								
14. Lớp: DI21Z6A2								
1	B2106834	Nguyễn Thanh Hiếu	18	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2113333	Trần Nguyễn Nhật Huy	15	92	4	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.340.000 đồng								
15. Lớp: HG21V7A1								
1	B2105600	Trương Hoàng Anh	14	96	3.68	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2111883	Phạm Hoàng Hải	12	83	3.75	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							17.030.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.196.000 đồng								
16. Lớp: MT2125A1								
1	B2108457	Lưu Thị Trà Mi	14	81	3.5	Giỏi	6.840.000	
Cộng lớp:							6.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.472.000 đồng								
17. Lớp: MT2125A2								
1	B2108505	Nguyễn Phương Phi	16	67	3.5	Khá	5.700.000	
Cộng lớp:							5.700.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.560.000 đồng								
18. Lớp: MT2138A1								
1	B2108793	Trịnh Ngọc Cẩm	16	82	3.94	Giỏi	7.080.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2108815	Nguyễn Ngọc Thảo	14	81	4	Giỏi	7.080.000	
3	B2108822	Trần Thị Kim Trang	14	86	4	Giỏi	7.080.000	
Cộng lớp:							21.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.352.000 đồng								
19. Lớp: MT2138A2								
1	B2101800	Châu Thị Thanh Thảo	14	90	4	Xuất sắc	8.260.000	
2	B2101803	Trương Nhật Thiện	14	85	4	Giỏi	7.080.000	
Cộng lớp:							15.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.104.000 đồng								
20. Lớp: MT2157A1								
1	B2106995	Nguyễn Hoàng Phúc	19	67	3.42	Khá	6.550.000	
2	B2109060	Nguyễn Thị Bích Duyên	19	67	3.26	Khá	6.550.000	
3	B2109110	Lê Ngọc Minh Thư	19	67	3.55	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							19.650.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.768.000 đồng								
21. Lớp: MT21X7A1								
1	B2106182	Nguyễn Tiến Đạt	14	67	4	Khá	5.700.000	
Cộng lớp:							5.700.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.928.000 đồng								
22. Lớp: MT21X7A2								
1	B2113037	Lê Anh Thư	14	67	4	Khá	5.700.000	
Cộng lớp:							5.700.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.016.000 đồng								
23. Lớp: NN2119A1								
1	B2101130	Nguyễn Hữu Duy	17	67	4	Khá	6.550.000	
2	B2101144	Nguyễn Thái Phúc Hậu	19	77	3.89	Khá	6.550.000	
3	B2101147	Thái Huỳnh Huy	17	67	4	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							19.650.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.388.000 đồng								
24. Lớp: NN2167A1								
1	B2109322	Võ Phúc Huỳnh Ngân	15	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2109327	Võ Tấn Phát	15	90	4	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2109333	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	15	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							27.510.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.392.000 đồng								
25. Lớp: NN2167A2								
1	B2102452	Trương Tấn Phát	13	94	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2109382	Lưu Minh Quân	12	100	4	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.532.000 đồng								
26. Lớp: NN2173A1								
1	B2109502	Hoàng Minh Hiếu	20	69	3.8	Khá	6.550.000	
2	B2109512	Phan Thị Kim Ngân	20	76	3.9	Khá	6.550.000	
3	B2109543	Bùi Thị Tường Vy	13	65	2.62	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							19.650.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.864.000 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
27. Lớp: NN2173A2								
1	B2109570	Chau Phi Nít	18	84	3.17	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							6.550.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.052.000 đồng								
28. Lớp: NN21S1A1								
1	B2103611	Huỳnh Ngọc Khải	14	67	3.5	Khá	6.550.000	
2	B2110193	Lê Ngọc Phúc Yên	14	76	4	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							13.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.956.000 đồng								
29. Lớp: NN21S1A2								
1	B2103670	Nguyễn Tuấn Anh	18	67	3.78	Khá	6.550.000	
2	B2103738	Lê Quốc Thắng	14	67	4	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							13.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.956.000 đồng								
30. Lớp: NN21S4A1								
1	B2109464	Nguyễn Ngọc Anh	14	70	4	Khá	6.550.000	
2	B2109480	Phạm Nguyễn Chí Phúc	14	75	4	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							13.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.480.000 đồng								
31. Lớp: NN21S6A1								
1	B2113050	Danh Thị Vân Anh	14	82	4	Giỏi	7.860.000	
2	B2113066	Đỗ Hoài Nam	14	76	4	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							14.410.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.292.000 đồng								
32. Lớp: NN21V8A1								
1	B2112070	Nguyễn Văn Thà	14	74	3.31	Khá	5.900.000	
Cộng lớp:							5.900.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.936.000 đồng								
33. Lớp: NN21X8A1								
1	B2106380	Phạm Thanh Bình	20	67	3.3	Khá	6.550.000	
2	B2106385	Phùng Quốc Đạt	19	67	3.47	Khá	6.550.000	
3	B2113132	Lê Hoàng Kiều Tiên	15	77	3.54	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							19.650.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.820.000 đồng								
34. Lớp: NN21X9A1								
1	B2113164	Nguyễn Thị Hồng Phúc	12	65	2.91	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							6.550.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.480.000 đồng								
35. Lớp: TN2183A1								
1	B2109791	Trần Thanh Trúc	14	89	4	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							7.860.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.480.000 đồng								
36. Lớp: TN2183A2								
1	B2109810	Mai Thị Hồng Ngân	14	82	4	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							7.860.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.288.000 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
37. Lớp: TN21S3A1								
1	B2103932	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	16	95	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2103942	Nguyễn Thanh Phong	17	95	3.91	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.768.000 đồng								
38. Lớp: TN21S3A2								
1	B2103985	Nguyễn Minh Phú	12	91	3.71	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2103995	Nguyễn Đình Trí	12	100	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.672.000 đồng								
39. Lớp: TN21S5A1								
1	B2101874	Nguyễn Thanh Trường	13	88	3.65	Giỏi	7.860.000	
2	B2108955	Phạm Chí Thanh	13	86	3.58	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							15.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.340.000 đồng								
40. Lớp: TN21S5A3								
1	B2101917	Nguyễn Trần Bá Duy	15	92	3.87	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2109014	Lê Chí Cường	15	92	3.73	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2109030	Dương Tấn Lộc	13	81	3.73	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							26.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.580.000 đồng								
41. Lớp: TN21T1A1								
1	B2104006	Bùi Khánh Duy	14	68	3	Khá	6.550.000	
2	B2104063	Trần Minh Tâm	15	68	3.03	Khá	6.550.000	
3	B2104078	Ngô Ngọc Trâm	17	72	3.24	Khá	6.550.000	
4	B2104081	Phan Phước Quốc Trung	20	70	3.05	Khá	6.550.000	
5	B2110341	Nguyễn Trường Phát	14	82	4	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							34.060.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.440.000 đồng								
42. Lớp: TN21T4A1								
1	B2104268	Bùi Quốc Trung	16	82	4	Giỏi	7.860.000	
2	B2110447	Trần Văn Linh	20	82	4	Giỏi	7.860.000	
3	B2110468	Võ Thành Trung	12	94	3.67	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							24.890.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng								
43. Lớp: TN21T5A1								
1	B2110482	Nguyễn Văn Hải	13	77	3.35	Khá	6.550.000	
2	B2110499	Huỳnh Hữu Tâm	14	77	3.71	Khá	6.550.000	
3	B2110507	Nguyễn Thanh Tùng	12	75	3.21	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							19.650.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.864.000 đồng								
44. Lớp: TN21T5A2								
1	B2110512	Nguyễn Vũ Anh	13	86	3.85	Giỏi	7.860.000	
2	B2110519	Thái Quang Trường Giang	12	91	3.83	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							17.030.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
45. Lớp: TN21T6A1								
1	B2104440	Trương Minh Nhân	15	95	3.97	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2110640	Mai Minh Đạt	18	95	3.89	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.340.000 đồng								
46. Lớp: TN21T6A2								
1	B2104477	Nguyễn Tấn Đạt	15	100	3.97	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2104513	Nguyễn Đức Thành	12	95	3.63	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							18.340.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.388.000 đồng								
47. Lớp: TN21T7A1								
1	B2104537	Lê Tường Duy	13	93	3.69	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2104569	Nguyễn Trọng Nghĩa	13	100	3.77	Xuất sắc	9.170.000	
3	B2104570	Đặng Khôi Nguyên	14	85	3.68	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							26.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.676.000 đồng								
48. Lớp: TN21T7A2								
1	B2104626	Nguyễn Minh Hiền	12	70	3.46	Khá	6.550.000	
2	B2110781	Dương Gia Minh	16	67	3.28	Khá	6.550.000	
3	B2110782	Trần Ngọc Minh	17	67	3.5	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							19.650.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.008.000 đồng								
49. Lớp: TN21T8A1								
1	B2104739	Lê Tấn Lợi	17	86	3.65	Giỏi	7.860.000	
2	B2110913	Hồ Trung Nhân	17	77	3.47	Khá	6.550.000	
3	B2110922	Lê Thành Thắng	14	77	3.21	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							20.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.388.000 đồng								
50. Lớp: TN21V6A1								
1	B2105352	Lý Gia Hân	17	82	3.88	Giỏi	7.860.000	
2	B2105407	Lê Thị Thủy Trúc	18	87	3.67	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							15.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.388.000 đồng								
51. Lớp: TN21V6A2								
1	B2111698	Lê Nguyễn Xuân Hạnh	20	77	3.85	Khá	6.550.000	
2	B2111705	Nguyễn Trọng Khánh	16	75	2.73	Khá	6.550.000	
3	B2111738	Đỗ Thanh Xuân	13	95	2.92	Khá	6.550.000	
4	B2113397	Lâm Hiếu Kiên	12	75	2.92	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							26.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.724.000 đồng								
52. Lớp: TN21Y8A1								
1	B2113197	Bùi Thị Huỳnh Như	14	94	4	Xuất sắc	9.170.000	
2	B2113204	Trà Quốc Thanh	16	84	3.94	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							17.030.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng								
53. Lớp: TN21Y8A2								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2106629	Trần Trọng Nghĩa	17	67	3.91	Khá	6.550.000	
2	B2113241	Nguyễn Minh Triết	14	80	3.5	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							14.410.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.148.000 đồng								
54. Lớp: TN21Z5A1								
1	B2106713	Nguyễn Minh Trí	16	82	3.88	Giỏi	7.860.000	
2	B2113246	Trần Quốc An	14	80	4	Giỏi	7.860.000	
3	B2113257	Nguyễn Phước Lợi	14	80	4	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							23.580.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.912.000 đồng								
55. Lớp: TN21Z5A2								
1	B2113291	Lê Trọng Phúc	17	87	3.47	Giỏi	7.860.000	
2	B2113297	Thạch Minh Thắng	14	85	4	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							15.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.244.000 đồng								
56. Lớp: TS2113A1								
1	B2100859	Mai Minh Khôi	16	88	3.94	Giỏi	7.860.000	
2	B2100911	Võ Thị Bé Thi	14	78	4	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							14.410.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.244.000 đồng								
57. Lớp: TS2113A2								
1	B2100988	Trần Nhật Khanh	14	70	4	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							6.550.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.812.000 đồng								
58. Lớp: TS2113A3								
1	B2100991	Đặng Nguyễn Minh Khôi	16	92	3.88	Xuất sắc	9.170.000	
Cộng lớp:							9.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.004.000 đồng								
59. Lớp: TS2176A1								
1	B2102884	Lâm Ngọc Yến	14	67	4	Khá	6.550.000	
2	B2109600	Thái Thành Đợi	19	76	3.74	Khá	6.550.000	
3	B2109620	Trương Phước Nguyên	14	78	4	Khá	6.550.000	
Cộng lớp:							19.650.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.532.000 đồng								
60. Lớp: TS21S2A1								
1	B2103785	Trần Văn Đại	14	83	3.5	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							7.860.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.432.000 đồng								
61. Lớp: TS21S2A2								
1	B2110261	Nguyễn Quốc Toàn	16	81	4	Giỏi	7.860.000	
Cộng lớp:							7.860.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.432.000 đồng								

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ